

Bản án số: 02/2024/DS-ST

Ngày: 30-7-2024

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Ngoan;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Tấn Vũ;

2. Ông Lê Hòa Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Ngãi - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024 tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi và điểm cầu thành phần Hội trường Ủy ban nhân dân xã Ba Thành, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án thụ lý số 04/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2024, về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N; địa chỉ: Số 02 L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V- chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng N; người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Ngọc T- chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện B Quảng Ngãi (Theo Quyết định số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng Giám đốc Ngân hàng N về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án); người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thế V- chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện B, Quảng Ngãi (Theo Quyết định số 04/QĐ-NHNo.BT ngày 16/01/2023 của Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện B, Quảng Ngãi về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án); địa chỉ trụ sở: Số 266 đường P, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đức N, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn M, xã B,

huyện B, tỉnh Quảng Ngãi

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

1. Những người tiến hành tố tụng tại điểm cầu thành phần Hội trường Ủy ban nhân dân xã Ba Thành, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi:

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài Trinh.

Thư ký Tòa án: Ông Trương Công Bình.

2. Những người tham gia tố tụng tại điểm cầu thành phần Hội trường Ủy ban nhân dân xã Ba Thành, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N; địa chỉ: Số 02 L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V- chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng N; người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Ngọc T- chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện B Quảng Ngãi (Theo Quyết định số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng Giám đốc Ngân hàng N về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án); người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thế V- chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện B, Quảng Ngãi (Theo Quyết định số 04/QĐ-NHNo.BT ngày 16/01/2023 của Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện B, Quảng Ngãi về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án); địa chỉ trụ sở: Số 266 đường P, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đức N, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

(Ông V có mặt; ông N, bà T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 08/12/2023, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng N ông Nguyễn Thế V trình bày:*

Vào ngày 06/9/2018 ông Nguyễn Đức N ký sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay số 4509LAV201801444 với Ngân hàng N – Chi nhánh huyện B Quảng Ngãi vay số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*), mục đích vay: trồng keo, thời hạn vay: 12 tháng, lãi suất vay: 8.5%/năm, lãi suất quá hạn: 12.75%/năm, vay không có tài sản bảo đảm, nhưng ông N tự nguyện giao cho Ngân hàng một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tín chấp. Việc ông N vay vốn tại Ngân hàng đã được bà Nguyễn Thị T ủy quyền và ông N đã nhận số tiền vay nêu trên.

Từ ngày 06/9/2018 đến ngày 08/3/2019 ông N đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền lãi là 4.284.931đồng. Từ ngày 06/9/2018 cho đến nay, ông N không thực

hiện nghĩa vụ trả nợ gốc cho Ngân hàng và từ sau ngày 08/3/2019 cho đến nay, ông N cũng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Đức N, bà Nguyễn Thị T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 30/7/2024 là 166.730.822 đồng, trong đó, nợ gốc: 100.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 4.238.356 đồng, nợ lãi quá hạn: 62.492.466 đồng và phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 4509LAV201801444 ngày 06/9/2018 kể từ ngày 31/7/2024 cho đến ngày thực tế ông Nguyễn Đức N, bà Nguyễn Thị T trả hết nợ gốc và lãi cho Ngân hàng N.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Đức N trình bày:*

Vào ngày 06/9/2018 tại Ngân hàng N – Chi nhánh huyện B, Quảng Ngãi ông N có vay số tiền 100.000.000 đồng theo sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay số 4509LAV201801444 ngày 06/9/2018, lãi suất tại thời điểm vay là 8,5%/năm, thời hạn vay là 12 tháng, mục đích vay vốn để trồng keo, tuy nhiên, do làm ăn thua lỗ nên không có tiền để trả cho Ngân hàng. Kể từ ngày vay tiền ông N nhớ đã trả được lãi cho Ngân hàng một lần (03 tháng tiền lãi), sau đó ông N không trả được bất kỳ khoản tiền nào khác cho ngân hàng. Tại thời điểm vay tiền, ông N và bà T là vợ chồng, đến năm 2022 ông N và bà T đã ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Đức N, bà Nguyễn Thị T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 08/12/2023 là 157.904.795 đồng, (trong đó, nợ gốc: 100.000.000đ, nợ lãi: 57.904.795 đồng) và phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay số 4509LAV201801444 ngày 06/9/2018 kể từ ngày 09/12/2023 cho đến ngày thực tế ông Nguyễn Đức N, bà Nguyễn Thị T trả hết nợ gốc và lãi cho Ngân hàng N thì ông N đồng ý.

** Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng đến nay bà Nguyễn Thị T vẫn không có ý kiến gì. Do đó, Tòa án không có cơ sở để đánh giá ý kiến của bà T.*

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định tại Điều 26, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Thẩm phán thụ lý đúng thẩm quyền, Chánh án ra quyết định phân công Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đúng quy định; Thẩm phán xác định tư cách người tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 351, 357, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Đức N, bà Nguyễn Thị T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 30/7/2024 là 166.730.822 đồng, (trong đó, nợ gốc: 100.000.000đ, nợ lãi trong hạn: 4.238.356đồng, nợ lãi quá hạn: 62.492.466đồng). Kể từ ngày 31/7/2024 ông Nguyễn Đức N, bà Nguyễn Thị T phải tiếp tục trả lãi của số vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay số 4509LAV201801444 ngày 06/9/2018 cho Ngân hàng N theo lãi suất trên số dư nợ gốc như quy định tại số vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay số 4509LAV201801444 ngày 06/9/2018 cho đến ngày trả hết nợ gốc.

Về án phí: Buộc đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Đức N có đăng ký thường trú tại thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; mặt khác nguyên đơn Ngân hàng N và bị đơn ông Nguyễn Đức N thống nhất giải quyết tranh chấp tại Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền nơi đóng trụ sở của Ngân hàng N – Chi nhánh huyện B, Quảng Ngãi; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.2] Bị đơn ông Nguyễn Đức N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt; căn cứ theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Qua các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có căn cứ xác định: Ngày 06/9/2018 Ngân hàng N – Chi nhánh huyện B, Quảng Ngãi cho ông Nguyễn Đức N vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), thể hiện tại số vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay số 4509LAV201801444, mục đích vay: trồng keo, thời hạn vay: 12 tháng, lãi suất vay: 8.5%/năm, lãi suất quá hạn: 12.75%/năm, vay không có tài sản bảo đảm, nhưng ông N tự nguyện giao cho Ngân hàng một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CG 905854, số vào sổ cấp GCN: CH12204 do Ủy ban nhân dân huyện Ba Tơ cấp ngày 20/12/2017 để làm tín chấp. Ngân hàng đã giải ngân cho ông N số tiền nêu trên, thể hiện tại chứng từ giao dịch ngày 06/9/2018.

Quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày 06/9/2018 đến ngày 08/3/2019 ông N đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền lãi là 4.284.931đồng. Từ ngày 06/9/2018

cho đến nay, ông N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc cho Ngân hàng và từ sau ngày 08/3/2019 cho đến nay, ông N cũng không thực hiện được việc thanh toán nợ lãi như hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng. Như vậy, ông N còn nợ số tiền gốc: 100.000.000đồng và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn tính từ ngày 09/3/2019 đến ngày 30/7/2024 là 66.730.822đồng.

Tổng số tiền nợ gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 30/7/2024 ông N còn nợ Ngân hàng N là 166.730.822 đồng.

[2.2] Về trách nhiệm liên đới của vợ chồng đối với giao dịch do một bên thực hiện:

Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi thì bà T và ông N chỉ thỏa thuận về việc ly hôn và con chung, còn tài sản chung, nợ chung ông N, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Theo sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay số 4509LAV201801444 ngày 06/9/2018, thì người đứng tên vay là ông Nguyễn Đức N nhưng thời điểm vay vốn vào năm 2018 ông N và bà T vẫn tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp là vợ chồng, tại giấy ủy quyền ngày 29 tháng 8 năm 2018 bà Nguyễn Thị T ủy quyền cho ông Nguyễn Đức N thực hiện các giao dịch liên quan đến việc vay vốn tại Ngân hàng N, nên xác định nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N là của ông Nguyễn Đức N, bà Nguyễn Thị T.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N, buộc ông Nguyễn Đức N, bà Nguyễn Thị T cùng chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số tiền gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến hết ngày 30/7/2024 là 66.730.822đồng và phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay số 4509LAV201801444 ngày 06/9/2018 kể từ ngày 31/7/2024 cho đến ngày ông Nguyễn Đức N, bà Nguyễn Thị T trả hết nợ gốc và lãi cho Ngân hàng N.

[3] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí; ông Nguyễn Đức N, bà Nguyễn Thị T phải chịu 166.730.822 đồng X 5%= 8.336.500đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35, 39, 147, 227, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 357, 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N. Buộc ông Nguyễn Đức N, bà Nguyễn Thị T phải trả nợ cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 30/7/2024 là 166.730.822 đồng (*Một trăm*

sáu mươi sáu triệu, bảy trăm ba mươi ngàn, tám trăm hai mươi hai đồng), trong đó, nợ gốc: 100.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 4.238.356đồng, nợ lãi quá hạn: 62.492.466đồng.

Kể từ ngày 31 tháng 7 năm 2024 ông Nguyễn Đức N, bà Nguyễn Thị T phải tiếp tục trả lãi của sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay số 4509LAV201801444 ngày 06/9/2018 cho Ngân hàng N theo lãi suất trên sổ dư nợ gốc như quy định tại sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay số 4509LAV201801444 ngày 06/9/2018 cho đến ngày trả hết nợ gốc. Trường hợp trong sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

Ngân hàng N không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí 3.948.000đ (*Ba triệu chín trăm bốn mươi tám ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0000323 ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông Nguyễn Đức N, bà Nguyễn Thị T phải chịu số tiền 8.336.500đồng (*Tám triệu ba trăm ba mươi sáu ngàn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, Quyết định được Thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 30/7/2024), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Ba Tơ;
- Chi cục THADS huyện Ba Tơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Ngoan